

4. **Phạm Ngọc Trâm** (2014). Đánh giá thực trạng mũi tiêm an toàn tại một số khoa nội Bệnh viện Quân y 103, Y học thực hành, 2.

5. **Phạm Thị Thanh Thủy và Võ Phi Long** (2010). Tình hình tiêm an toàn Bệnh viện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, Y học thực hành, 3.

6. **Hicks et al** (2006). "An overview of IV - related medication administration errors as reported to MEDMARX, a nation medication error as reported program", J Infus Nurs.29 (1). Pp: 20 - 27.

7. Panel summary from the emerging infectious diseases, 1/2001.

ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG ĐIỀU TRỊ RỐI LOẠN LIPID MÁU CỦA VIÊN NANG "GIÁNG CHỈ TIÊU KHÁT LINH" TRÊN BỆNH NHÂN RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA LIPID MÁU CÓ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYP 2

VŨ VIỆT HẰNG, TRẦN THỊ MINH QUYÊN
Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá tác dụng điều trị rối loạn lipid máu của viên nang "Giáng chỉ tiêu khát linh" trên bệnh nhân rối loạn chuyển hóa lipid máu có đái tháo đường typ 2. Nghiên cứu trên 100 bệnh nhân được chẩn đoán rối loạn lipid (RLLP) máu có đái tháo đường (ĐTĐ) typ 2. Nghiên cứu tiến cứu so sánh trước và sau điều trị 30, 60 ngày.

Kết quả: Kết quả nghiên cứu cho thấy, viên nang "Giáng chỉ tiêu khát linh" 500mg uống với liều 12 viên / ngày ở thời điểm sau 30 ngày và sau 60 ngày uống thuốc liên tục có tác dụng điều trị rối loạn lipid máu ở của bệnh nhân ĐTĐ typ 2 với các chỉ số giảm 31,6% TG; 8,3% TC; 17,7% LDL-C và tăng 16,8% HDL-C sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Từ khóa: Viên nang "Giáng chỉ tiêu khát linh", rối loạn lipid máu, đái tháo đường typ 2.

SUMMARY
EFFECTS' EVALUATION OF
DYSLIPIDEMIA TREATMENT WITH
CAPSULES "GIANG CHI TIEU KHAT LINH" ON
PATIENTS WITH DYSLIPIDEMIA PLUS TYPE
2 DIABETES

The study was conducted to evaluate the treatment effect of dyslipidemia of the capsule

"Giang chi tieu khat linh" on patients with dyslipidemia plus type 2 diabetes. Study on 100 patients diagnosed with dyslipidemia plus type 2 diabetes mellitus (DM). The study compared effects of before and after 30, 60 days of treatment.

Results: The results of the study showed that the 500mg capsule of "Giang chi tieu khat linh" taken at a dose of 12 tablets /day after 30 days and after 60 days of continuous intake had the effect of treating dyslipidemia on patients with type 2 diabetes, with the index decreased 31.6% TG; 8.3% TC; 17.7% LDL-C and 16.8% increased in HDL-C, the difference was statistically significant with $p < 0.05$.

Keywords: "Giang chi tieu khat linh" capsules, dyslipidemia, type 2 diabetes mellitus.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Rối loạn chuyển hoá lipid gắn liền với bệnh lý mạch máu, đặc biệt là bệnh lý mạch vành. Điều hoà các rối loạn lipid máu có tác dụng cải thiện rõ rệt tiên lượng bệnh lý tim mạch ở bệnh đái tháo đường (ĐTĐ)^[1].

Ngày nay, bệnh ĐTĐ gia tăng hàng năm theo sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội. Theo thống kê của Hiệp hội Đái tháo đường Quốc tế IDF (International Diabetes Federation), năm 2013 thế giới có 382 triệu người mắc bệnh ĐTĐ typ 2 và dự đoán sẽ tăng lên 592 triệu người trong năm 2035^[2]. Bệnh ĐTĐ xảy ra khắp các châu lục, thường là ĐTĐ typ 2, đặc biệt ở các nước phát triển. Tuy nhiên, tỷ lệ bệnh tăng nhanh nhất là các nước thuộc châu Phi và châu

Chịu trách nhiệm: Vũ Việt Hằng
Email: vhangyhct@gmail.com
Ngày nhận: 28/4/2021
Ngày phản biện: 07/6/2021
Ngày duyệt bài: 12/6/2021

Á, dự báo tới năm 2030 số bệnh nhân ĐTD chủ yếu ở hai châu lục này^[3]. Trong ĐTD, tăng glucose máu và rối loạn lipid máu (RLLPM) có tăng LDL-C, tăng tỷ lệ triglycerid (TG), giảm HDL-C máu là những rối loạn chuyển hoá đan xen có nguy cơ rất cao gây vữa xơ động mạch (VXĐM) và những hậu quả xấu đối với hệ tim mạch.

Trên thực tế lâm sàng, bệnh cảnh phối hợp ĐTD, RLLPM và tăng huyết áp (THA) càng làm tăng mức độ tiến triển biến chứng. Kiểm soát và điều trị RLLP máu ở bệnh nhân ĐTD typ 2 sẽ giúp giảm thiểu tối đa các nguy cơ biến chứng của bệnh ĐTD. Bởi vậy, nghiên cứu được thực hiện nhằm: “Đánh giá tác dụng điều trị rối loạn lipid máu ở bệnh nhân Rối loạn chuyển hóa lipid máu có đái tháo đường typ 2”.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thuốc nghiên cứu

- Viên nang Giáng chỉ tiêu khát linh 500mg, đạt tiêu chuẩn cơ sở .

- Thành phần: Đan sâm, hoàng tinh, hà thủ ô, trạch tả, sơn tra, ngũ tử, hoàng kỳ, thiên hoa phấn, hoàng liên, ích chí, linh chi và tá dược vừa đủ. 1 viên nang chứa 4g dược liệu.

- Nơi sản xuất: Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương.

- Dạng bào chế: Viên nang cứng.

- Liều dự kiến dùng trên người: Uống mỗi lần 4 viên, ngày 3 lần.

2. Đối tượng nghiên cứu

Gồm 100 BN được chẩn đoán RLLPM (Theo Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội tiết-chuyển hóa - ban hành kèm theo Quyết định số 3879/QĐ-BYT ngày 30/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế) có ĐTD typ 2 (theo WHO, IDF-2012) được điều trị nội và ngoại trú tại Bệnh viện YHCT Hà Đông, từ ngày 01/09/2016 đến 31/12/2017.

* Tiêu chuẩn chọn BN:

- Bệnh nhân đã được chẩn đoán rối loạn lipid máu có ĐTD typ 2 (Trong nghiên cứu này chỉ chọn các bệnh nhân có chỉ số Glucose máu lúc đói, sau bữa ăn cuối cùng 8 giờ $\leq 9\text{mmol/l}$), đã được tư vấn điều chỉnh chế độ ăn uống sinh hoạt nhưng không hiệu quả, chưa điều trị bằng một thuốc điều trị RLLPM nào hoặc đã ngừng các thuốc điều trị ít nhất là 3 tháng, không dùng các thuốc có thể gây RLLPM.

- Đang sử dụng 1 - 2 loại thuốc điều trị ĐTD và không thay đổi liều lượng thuốc trong 2 tháng gần đây.

- Tuổi > 30, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

* Tiêu chuẩn loại trừ:

- RLLPM thứ phát sau các bệnh khác như thiếu năng tuyến giáp, hội chứng thận hư, suy gan, suy thận.

- Có các triệu chứng biểu hiện biến chứng của ĐTD trên lâm sàng gồm các bệnh lý cấp tính, các nhiễm trùng cấp tính, các biến chứng nặng kèm.

- Có mắc bệnh mạch vành, tai biến mạch máu não, huyết áp không ổn định, bệnh nhiễm khuẩn, bệnh cấp tính kèm theo.

- Phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- Bệnh nhân trong quá trình điều trị sử dụng thuốc điều trị khác hoặc phương pháp điều chỉnh RLLPM khác.

- Các BN nghiên cứu nhưng không trở lại khám định kỳ hoặc không uống thuốc đúng quy định.

3. Phương pháp nghiên cứu

* Thiết kế nghiên cứu: thử nghiệm lâm sàng mở, so sánh kết quả trước và sau điều trị.

- Chọn bệnh nhân theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

- Tất cả các bệnh nhân trước khi điều trị được khám và làm các xét nghiệm cơ bản về huyết học, xét nghiệm các thành phần lipid máu, chức năng gan thận.

- Bệnh nhân được theo dõi trên một mẫu bệnh án nghiên cứu thống nhất, được tư vấn chế độ ăn uống, sinh hoạt như nhau và không ảnh hưởng tới tác dụng của thuốc.

- Bệnh nhân được uống Giáng chỉ tiêu khát linh viên 500mg x 12 viên /ngày chia làm 3 lần.

- Ngày thứ 30 (D30) và 60 (D60) của đợt điều trị, bệnh nhân được làm lại các xét nghiệm: các thành phần lipid máu, glucose máu, chức năng gan thận.

- Tổng kết kết quả điều trị sau 60 ngày điều trị.

* Các chỉ tiêu nghiên cứu: Các chỉ số lipid máu gồm TC, TG, HDL-C, LDL-C được đo trên máy Reflotron của hãng Boehringer Mannheim (Đức), làm vào thời điểm D0, D30 và D60 của nghiên cứu.

4. Xử lý số liệu

Các số liệu thu thập được xử lý theo thuật toán thống kê y sinh học, sử dụng phần mềm SPSS 16.0.

KẾT QUẢ

1. Đánh giá kết quả điều trị trên chỉ số TC (cholesterol) máu trước và sau uống “Giáng chỉ tiêu khát linh”

Bảng 1. Sự thay đổi TC máu trước và sau điều trị

D0	D30	D60	Thay đổi	p
$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)		
5,64 ± 0,64	5,24 ± 0,65	5,17 ± 0,75	(D0/30) - 0,4 mmol/l - 7,1%	(D0/30) p < 0,05
			(D0/60) - 0,47 mmol/l - 8,3%	(D0/60) p < 0,05

Nhận xét: Sau 60 ngày điều trị, TC máu BN NC giảm 12,2% từ 5,64 ± 0,64 xuống còn 5,17 ± 0,75 (mmol/l). Sự thay đổi này có ý nghĩa thống kê với p < 0,05.

2. Đánh giá kết quả điều trị trên chỉ số TG (Triglycerid) máu trước và sau uống “Giáng chỉ tiêu khát linh”

Bảng 2. Sự thay đổi TG máu trước và sau điều trị

D0	D30	D60	Thay đổi	p
$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)		
2,91±1,5	2,38 ±1,50	1,99 ±1,26	(D0/30) - 0,53 mmol/l - 18,2%	(D0/30) p < 0,05
			(D0/60) - 0,92 mmol/l - 31,6%	(D0/60) p < 0,05

Nhận xét: Sau 60 ngày điều trị, TG máu BN NC giảm 31,6% từ 2,91 ± 1,5 xuống còn 1,99 ± 1,26 (mmol/l). Sự thay đổi này có ý nghĩa thống kê với p < 0,05.

3. Đánh giá kết quả điều trị trên chỉ số LDL-C máu trước và sau uống “Giáng chỉ tiêu khát linh”

Bảng 3. Sự thay đổi LDL-C máu trước và sau điều trị

D ₀	D ₃₀	D ₆₀	Thay đổi	p
$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)		
3,84 ± 0,94	3,41±1,01	3,16±0,90	(D0/30) - 0,43 mmol/l - 11,2%	(D0/30) p < 0,05
			(D0/60) - 0,68 mmol/l - 17,7%	(D0/60) p < 0,05

Nhận xét: Sau 60 ngày điều trị, LDL-C máu BN NC giảm 17,7% từ 3,84 ± 0,94 xuống còn 3,16 ± 0,90 (mmol/l). Sự thay đổi này có ý nghĩa thống kê với p < 0,05.

4. Đánh giá kết quả điều trị trên chỉ số HDL-C máu trước và sau uống “Giáng chỉ tiêu khát linh”

Bảng 4. Sự thay đổi HDL-C máu trước và sau điều trị

D0	D30	D60	Thay đổi	p
$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)	$\bar{X} \pm SD$ (mmol/l)		
1,19±0,48	1,25±0,48	1,39±0,52	(D0/30) +0,06 mmol/l +5,1%	(D0/30) p < 0,05
			(D0/60) 0,2 mmol/l 16,8%	(D0/60) p < 0,05

Nhận xét: Sau 60 ngày điều trị, HDL-C máu BN NC tăng 16,8% từ $1,19 \pm 0,48$ lên tới $1,39 \pm 0,52$ (mmol/l). Sự thay đổi này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

BÀN LUẬN

1. Tác dụng hạ Cholesterol, TG, LDL-C và tăng HDL-C máu của bài thuốc GCTKL

Nhiều các nghiên cứu y học hiện đại cũng minh chứng về thành phần các hoạt chất trong các vị thuốc và tác dụng điều trị rối loạn lipid máu.

Linh chi có chứa hàm lượng lớn germanium giúp tế bào hấp thụ oxy tốt hơn; polysaccharit làm tăng sự miễn dịch trong cơ thể, diệt tế bào ung thư; acid ganodermic chống dị ứng, chống viêm. Nghiên cứu của Phạm Thị Bạch Yến (2009) trên lâm sàng cho kết quả Nấm Hồng chi Đà Lạt có tác dụng điều chỉnh rối loạn lipid máu, với liều 15g/24giờ làm giảm cholesterol toàn phần và giảm LDL-C tương đương với Lipanthyl 200mg/24giờ; đặc biệt là nấm Hồng chi Đà Lạt với liều này lại làm giảm triglycerid cao hơn và tăng HDL-C nhiều hơn so với nhóm uống Lipanthyl^[4].

Đan sâm đã được nghiên cứu và định lượng có các thành phần Tanshinone I, tanshinone II, cryptotanshinone, isotanshinone I, isotanshinone II, isocryptotanshinone, miltirone, tanshinol I, tanshinol II, methyl tanshinonate, hydroxytanshinone II, salviol, protocatechuic aldehyde, protocatechuic acid, vitamin E. Vì vậy, Đan sâm có tác dụng tốt trên tim mạch: làm giãn mạch và tăng lưu lượng động mạch vành tim, cải thiện được vi tuần hoàn, phòng chống tích cực tình trạng thiếu máu và hoại tử cơ tim, nâng cao sức chịu đựng của tế bào cơ tim trong điều kiện thiếu oxy, điều chỉnh lipid máu, ức chế và làm chậm quá trình hình thành các mảng xơ vữa động mạch, ức chế quá trình ngưng tập tiểu cầu, chống hiện tượng đông máu^[5].

Ngưu tất đã được nghiên cứu có các chất Triterpenoid saponins, ecdysterone, inokosterone, tác dụng hạ huyết áp, giảm cholesterol do tăng nhanh bài tiết cholesterol.

Dịch chiết của Sơn tra có thể làm giảm cholesterol bằng cách gia tăng sự bài tiết mật, giảm hình thành cholesterol, tăng cường các thụ thể cho LDL. Hà thủ ô có tác dụng hạ cholesterol, peroxy hoá lipid. Trạch tả tác dụng chống tạo mỡ trong gan, chậm vữa xơ động mạch, giảm lipid máu^[5]. Nghiên cứu của Hong Dan và cộng sự (2011) trên chuột đực Kunming 8 tuần tuổi được ăn với chế độ giàu chất béo. Kết quả Trạch tả (*Alismatis rhizome*) với liều

uống 2,26g/1kg thân trọng, chuột giảm được cholesterol trong máu và trong gan so với lô không dùng thuốc. Kết quả này chứng minh hiệu quả của Trạch tả (*Alismatis rhizome*) trong điều trị tăng lipid máu bằng cách làm giảm sự tổng hợp cholesterol gan, chứ không phải bằng cách tăng dị hóa cholesterol.

Bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đã xác định được hoạt chất acid oleanolic với hàm lượng 1,021mg/1g thuốc và hoạt chất tanshinone IIA với hàm lượng 0,032 mg/1g thuốc có trong Giáng chỉ tiêu khát linh. Acid oleanolic là một hợp chất triterpenoid pentacyclic có phổ biến trong hầu hết thực vật, được tìm thấy vào năm 2005, có nhiều trong *Radix Polygoni multiflori* (ngưu tất). Acid oleanolic được chứng minh đó là một chất ức chế mạnh mẽ của quá trình viêm tế bào, tác dụng làm giảm sự hình thành cholesterol và tăng bài tiết cholesterol. Tanshinone IIA có nguồn gốc từ phenanthrene-quinone, có thể được phân lập từ *Salvia miltiorrhiza* Bunge (Đan sâm). Hợp chất này có thể thúc đẩy hoạt động chống viêm, chống oxy hóa, và gây độc tế bào, và cũng như tạo ra quá trình apoptosis. Tanshinone IIA cũng đã được chứng minh là giảm vữa xơ động mạch do ức chế yếu tố tăng trưởng tiểu cầu, ức chế sự di chuyển của các tế bào cơ trơn ở lớp trung mạc ra lớp nội mạc của thành động mạch chủ là các nguyên nhân chính gây vữa xơ động mạch^[6].

Một số các hoạt chất khác như emodin, astragalosid IV cũng được xác nhận có mặt trong thành phần của thuốc. Tác dụng của astragalosid IV (chất này có nhiều trong vị hoàng kỳ và Đan sâm), làm giảm mức độ malon dialdehyd, một chất chuyển hóa của quá trình peroxy lipid và làm tăng mức độ chất chống oxy hóa enzym glucosetathion peroxidase và superoxid dismutase trong các mô. Điều này cũng minh chứng cho cơ chế và tác dụng của Giáng chỉ tiêu khát linh trong điều trị rối loạn lipid máu và chống vữa xơ động mạch: ức chế hấp thu cholesterol, tăng tổng hợp cholesterol ở gan, đồng thời tăng đào thải cholesterol qua các acid mật, làm tăng ức chế quá trình peroxy lipid. Mặt khác cũng có thể Giáng chỉ tiêu khát linh cũng làm giảm LDL- c do gia tăng việc sản xuất protein thụ thể (LDL- receptor) ở gan. Đây là sự khác biệt với cơ chế tác dụng của Giáng chỉ tiêu khát linh với nhóm statin và để chứng minh chặt chẽ hơn cần có thêm các nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này.

KẾT LUẬN

Viên nang “Giáng chỉ tiêu khát linh” 500mg uống với liều 12 viên / ngày ở thời điểm sau 30 ngày và sau 60 ngày uống thuốc liên tục có tác dụng điều trị rối loạn lipid máu ở của bệnh nhân ĐTĐ typ 2 với các chỉ số giảm 31,6% TG; 8,3% TC; 17,7% LDL-C và tăng 16,8% HDL-C sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tạ Văn Bình** (2006). Bệnh đái tháo đường- Tăng glucose máu, Nhà xuất bản Y học, 106 - 144.
2. **Nam Han Cho et al** (2013). IDF Diabetes Atlas.
3. **Đỗ Trung Quân** (2006). Biện chứng bệnh

đái tháo đường và điều trị, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 159 -162, 273 - 279.

4. **Phạm Thị Bạch Yến** (2009). Đánh giá tính an toàn và hiệu quả điều trị hội chứng rối loạn lipid máu của nấm Hồng chi Đà Lạt, Đại học Y Hà Nội.

5. Bộ môn Dược học cổ truyền, Trường Đại học Dược Hà Nội (2003), Dược học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học, tr. 242-243, 291-293, 314-315, 334-335, 357-358.

6. **Vũ Việt Hằng** (2013). Nghiên cứu tác dụng của chế phẩm Giáng chỉ tiêu khát linh điều trị rối loạn lipid máu trên động vật đái tháo đường typ 2 thực nghiệm, Luận án Tiến sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

THAY ĐỔI THỰC HÀNH VỀ CHẾ ĐỘ ĂN BỔ SUNG CHO CÁC BÀ MẸ CÓ CON TỪ 6 ĐẾN 24 THÁNG TUỔI ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN NHI TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2019

ĐỖ THỊ TUYẾT MAI
Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá sự thay thực hành về chế độ ăn bổ sung của các bà mẹ có con từ 6 đến 24 tháng tuổi điều trị tại Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định sau can thiệp giáo dục năm 2019.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Can thiệp giáo dục được thực hiện trên 54 bà mẹ có con từ 6 đến 24 tháng tuổi điều trị tại Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định với các nội dung liên quan đến thực hành chế độ ăn bổ sung cho trẻ.

Kết quả và kết luận: Thực hành về chế độ ăn bổ sung của các bà mẹ có con từ 6 đến 24 tháng tuổi cải thiện rõ rệt sau can thiệp giáo dục: Điểm trung bình thực hành của các bà mẹ tăng sau can thiệp giáo dục và 1 tháng sau can thiệp theo thứ tự $(9,57 \pm 0,63)$, $(8,96 \pm 1,1)$ so với trước can thiệp là $(6,87 \pm 1,48)$, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

Từ khóa: Thay đổi chế độ ăn bổ sung cho trẻ, Bệnh viện Nhi Nam Định.

SUMMARY

PRACTICE CHANGES ON SUPPLEMENTARY DIET MOTHERS WITH CHILDREN AGED 6 TO 24 MONTHS TREATED AT NAM DINH PAEDIATRIC HOSPITAL IN 2019

Research objectives: To evaluate the change in diet practice of mothers with children aged 6 to 24 months treated at Nam Dinh Paediatric Hospital after the educational intervention in 2019.

Subjects and research methods: The educational intervention was carried out on 54 mothers with children aged from 6 to 24 months treated at Nam Dinh Paediatric Hospital with contents related to supplement diet practice for children.

Results and conclusions: The practice of supplementary diet of mothers with children aged 6 to 24 months of significantly improved after educational intervention. The average score of mothers' practice increases after educational intervention and 1 month after intervention in order (9.57 ± 0.63) , (8.96 ± 1.1) compared to

Chịu trách nhiệm: Đỗ Thị Tuyết Mai

Email: domai2710@gmail.com

Ngày nhận: 14/5/2021

Ngày phản biện: 02/6/2021

Ngày duyệt bài: 12/6/2021